

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc ban hành giá tiêu thụ nước sạch sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Giá số 11/2012/QH13 ngày 20/6/2012;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Thông tư Liên tịch số 75/2012/TTLT-BTC-BXD-BNNPTNT ngày 15/5/2012 của Bộ Tài chính, Bộ Xây dựng, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về hướng dẫn nguyên tắc, phương pháp xác định và thẩm quyền quyết định giá tiêu thụ nước sạch tại các đô thị, khu công nghiệp và khu vực nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 88/2012/TT-BTC ngày 28/5/2012 của Bộ Tài chính về việc ban hành khung giá tiêu thụ nước sạch sinh hoạt;

Căn cứ Quyết định số 590/QĐ-BXD ngày 30/5/2014 của Bộ Xây dựng về việc công bố định mức, dự toán sản xuất nước sạch và quản lý, vận hành mạng cấp nước;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 345/TTr-STC ngày 01/10/2015,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành giá tiêu thụ nước sạch sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, cụ thể như sau:

1. Đối tượng áp dụng: Quyết định này áp dụng đối với các tổ chức có thẩm quyền lập, trình và quyết định giá tiêu thụ nước sạch sinh hoạt theo quy định của pháp luật và quy định tại Quyết định này; các đơn vị thực hiện dịch vụ cấp nước sạch sinh hoạt và các khách hàng sử dụng nước sạch sinh hoạt.

2. Giá tiêu thụ nước sạch sinh hoạt đối với các đô thị, khu công nghiệp

a) Thành phố Buôn Ma Thuột (bao gồm các phường, xã):

TT	Lượng nước sử dụng	Ký hiệu	Giá bán (đ/m <sup>3</sup> )
-	Mức tiêu thụ 10 m <sup>3</sup> đầu tiên	SH1	5.200
-	Từ trên 10 m <sup>3</sup> đến 20 m <sup>3</sup>	SH2	6.500
-	Từ trên 20 m <sup>3</sup> đến 30 m <sup>3</sup>	SH3	8.000
-	Từ trên 30 m <sup>3</sup>	SH4	10.000

b) Thị trấn các huyện: Krông Pắc, Ea Kar, Cư Mgar, Ea Hleo, Krông Ana, Krông Năng; thị xã Buôn Hồ (trừ xã Ea Drông):

TT	Lượng nước sử dụng	Ký hiệu	Giá bán (đ/m <sup>3</sup> )
-	Mức tiêu thụ 10 m <sup>3</sup> đầu tiên	SH1	4.500
-	Từ trên 10 m <sup>3</sup> đến 20 m <sup>3</sup>	SH2	5.500
-	Từ trên 20 m <sup>3</sup> đến 30 m <sup>3</sup>	SH3	6.800
-	Từ trên 30 m <sup>3</sup>	SH4	8.500

c) Thị trấn các huyện: Krông Bông, Ea Súp, M'Đrăk, Lắk, Krông Búk:

TT	Lượng nước sử dụng	Ký hiệu	Giá bán (đ/m <sup>3</sup> )
-	Mức tiêu thụ 10 m <sup>3</sup> đầu tiên	SH1	4.200
-	Từ trên 10 m <sup>3</sup> đến 20 m <sup>3</sup>	SH2	5.200
-	Từ trên 20 m <sup>3</sup> đến 30 m <sup>3</sup>	SH3	6.500
-	Từ trên 30 m <sup>3</sup>	SH4	8.000

3. Giá tiêu thụ nước sạch sinh hoạt đối với khu vực nông thôn tại các xã còn lại trên địa bàn tỉnh:

TT	Lượng nước sử dụng	Ký hiệu	Giá bán (đ/m <sup>3</sup> )
-	Mức tiêu thụ 10 m <sup>3</sup> đầu tiên	SH1	3.800
-	Từ trên 10 m <sup>3</sup> đến 20 m <sup>3</sup>	SH2	4.800
-	Từ trên 20 m <sup>3</sup> đến 30 m <sup>3</sup>	SH3	6.000
-	Từ trên 30 m <sup>3</sup>	SH4	7.500

4. Đối với hộ dân cư tiêu thụ nước sạch sinh hoạt mà chưa lắp được đồng hồ đo lượng nước tiêu thụ thì tạm thời áp dụng mức thu khoán theo mức tiêu thụ cho một người là 4m<sup>3</sup>/tháng, trường hợp không tính được theo người thì tính theo hộ dân cư sử dụng là 16 m<sup>3</sup>/tháng theo giá tiêu thụ ở mức SH2.

Trường hợp sinh viên và người lao động thuê nhà để ở (có thời hạn thuê từ 12 tháng trở lên) mà chủ nhà là bên mua nước của đơn vị cấp nước để cung ứng cho các đối tượng trên sử dụng, thì cứ 4 người (căn cứ vào giấy đăng ký tạm trú và hợp đồng thuê nhà có xác nhận của địa phương) tính là một hộ sử dụng nước để đơn vị cấp nước áp dụng giá nước sạch sinh hoạt cho bên mua nước và hướng dẫn bên mua nước, bán nước cho các đối tượng trên theo giá do đơn vị cấp nước áp dụng đối với bên mua nước.

Trường hợp khách hàng sử dụng nước chỉ dùng một đồng hồ đo nước, có hợp đồng sử dụng nước cho nhiều mục đích sử dụng khác nhau thì đơn vị cấp nước và khách hàng sử dụng nước căn cứ tình hình sử dụng nước thực tế để thoả thuận tỷ lệ nước sử dụng cụ thể cho mỗi loại mục đích, để áp giá nước phù hợp với từng mục đích sử dụng.

5. Nước sạch sinh hoạt cung cấp phải bảo đảm chất lượng nước theo quy định của pháp luật hiện hành về chất lượng nước ăn uống.

6. Giá tiêu thụ nước sạch quy định trên chưa có thuế giá trị gia tăng.

7. Thực hiện chính sách cấp bù giá nước sạch nông thôn; chính sách hỗ trợ cho các đối tượng sử dụng nước là hộ đồng bào dân tộc thiểu số ở xã thuộc vùng III, hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo ở các vùng còn lại và hộ nghèo ở xã thuộc vùng III trên địa bàn tỉnh theo quy định của UBND tỉnh về cấp bù, hỗ trợ kinh phí hàng năm cho các tổ chức, cá nhân quản lý, khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

**Điều 2.** Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành có liên quan tổ chức thực hiện, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện Quyết định này, định kỳ hàng năm báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

Giao Sở Y tế có trách nhiệm hướng dẫn, thanh tra, kiểm tra việc thực hiện quy định của pháp luật hiện hành về chất lượng nước ăn uống đối với các đơn vị cấp nước.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Xây dựng, Y tế, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Tài nguyên và Môi trường; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Giám đốc Công ty TNHH một thành viên Cấp nước và Đầu tư xây dựng Đắk Lắk; Giám đốc Trung tâm Nước sinh hoạt và Môi trường nông thôn tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 09 tháng 11 năm 2015 và thay thế Quyết định số 32/2013/QĐ-UBND ngày 13/11/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành giá tiêu thụ nước sạch trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk. / z

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Website Chính phủ;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh; (B/c);
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- CT, PCT. UBND tỉnh;
- Vụ Pháp chế, Cục Quản lý Giá Bộ TC;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL- Bộ Tư pháp;
- Các tổ chức CT-XH thuộc tỉnh;
- Kho bạc Nhà nước tỉnh;
- Công báo tỉnh, Báo Đắk Lắk;
- Website tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Đài PT và TH tỉnh;
- Lãnh đạo VPUBND tỉnh;
- Các phòng CM-VP.UBND tỉnh;
- Lưu VT; TCTM (TVT - b).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**

**DÂN CHỦ TỊCH**



**Phạm Ngọc Nghị**

